

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 560/2020/LĐ-PT  
Ngày: 22/6/2020  
V/v tranh chấp đơn phương chấm  
dứt hợp đồng lao động

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tài

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Hiền

Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Hoa Thiên, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Huỳnh Thanh Hải – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/LĐPT ngày 13/02/2020 về việc: “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”

Do bản án dân sự sơ thẩm 07/2019/LĐ-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1862/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 4752/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông N, sinh năm 1968, Địa chỉ: 28/22 đường T, KP8, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

*Bị đơn:* Công ty TNHH Đ, Địa chỉ trụ sở: 01 đường số M, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông P - Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà M, địa chỉ: 363/62 đường Đ, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người kháng cáo:* Công ty TNHH Đ – Bị đơn

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2019, các bản tự khai và các biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông N trình bày:*

Ngày 25/01/2018, ông N và Công ty TNHH Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ) ký Hợp đồng lao động số 001/18/HĐLĐTN2N-ĐP, xác định thời hạn 24 tháng, từ ngày 25/01/2018 đến ngày 24/01/2020, chức danh chuyên môn là Trưởng phòng Hành chính nhân sự với mức lương là 13.500.000 đồng/tháng. Trong suốt thời gian làm việc từ ngày 25/01/2018 đến ngày 16/3/2018 ông N không có bất kỳ sai phạm nào, đến trước ngày 16/3/2018, Công ty Đ yêu cầu ông N viết đơn xin nghỉ việc với lý do ông N không phù hợp với công việc, ông N không đồng ý và đề nghị công ty thực hiện thủ tục cho thôi việc theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 21/3/2018, ông N nhận được Quyết định cho thôi việc số 007/2018/QĐTV-ĐP ngày 16/3/2018 của Công ty Đ với lý do không phù hợp với công việc. Công ty đã trả lương cho ông N tháng 3/2018 và 15 ngày lương tháng 4/2018 với số tiền 20.250.000 (hai mươi triệu, hai trăm năm mươi ngàn). Công ty Đ đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với lý do ông không phù hợp với công việc là không có căn cứ và trái pháp luật. Nay ông N khởi kiện yêu cầu Công ty Đ phải bồi thường cho ông N do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật những khoản tiền sau:

- Tiền lương và các phụ cấp từ ngày 16/4/2018 đến ngày 24/01/2020 (21 tháng 18 ngày x 13.500.000 đồng) = 291.600.000 đồng;
  - Tiền lương 04 tháng tiền lương và phụ cấp (4 x 13.500.000 đồng) = 54.000.000 đồng;
  - Tiền lương của 21 ngày nghỉ phép năm trước đây yêu cầu số tiền 28.350.000 đồng, tại phiên tòa chỉ yêu cầu số tiền 10.903.846 đồng;
  - Tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong 24 tháng (10,5% x 5.055.000 đồng x 24) = 24.870.600 đồng;
  - Hủy Quyết định cho thôi việc số 007/2018/QĐTV-ĐP ngày 16/3/2018 và nhận ông N trở lại làm việc. Nếu Công ty Đ không nhận ông N trở lại làm việc thì bồi thường 04 tháng tiền lương và phụ cấp: (4 x 13.500.000 đồng) = 54.000.000 đồng;
- Tổng cộng số tiền ông N yêu cầu Công ty Đ bồi thường là 435.374.446 đồng.

*Bị đơn Công ty Đ do ông N và bà N là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Công ty Đ xác định, ngày 25/01/2018 Công ty có ký Hợp đồng lao động số 001/18/HĐLĐTN2N-ĐP với ông N, xác định thời hạn 24 tháng, với chức danh trưởng phòng hành chính nhân sự, mức lương cơ bản là 5.055.000 đồng/tháng chưa bao gồm phụ cấp. Trong thời gian làm việc, Công ty Đ nhận thấy ông N chưa đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc. Cụ thể là: Không hoàn thành công việc theo quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Công ty Đ; Không tuân thủ giờ giấc của công ty, thường xuyên về muộn và không chấm công dẫn đến sự phản đối của nhân viên về phòng nhân sự; Có những lời nói và phát biểu gây hoang mang cho người lao động, chia rẽ các phòng ban; Sai sót trong kiểm tra lương cũng như kiểm tra số liệu về tiền lương.

Việc ông N tiếp tục làm việc cho công ty sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty nên Ban giám đốc đã mời ông N lên để làm việc thỏa thuận thôi việc. Ngày 12/3/2018, Công ty có báo cho ông N tham gia phiên họp để đánh giá khả năng làm việc của ông N nhưng ông N không có mặt. Ngày 16/3/2018, công ty giao quyết định thôi việc cho ông N và yêu cầu ông N bàn giao công việc trước ngày 16/04/2018. Ngày 21/3/2018, ông N đồng ý nghỉ việc và yêu cầu công ty trả lương tháng 3/2018 và nửa tháng lương của tháng 4/2018, với số tiền 20.250.000 (hai mươi triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng, công ty đã đồng ý trả tiền lương theo yêu cầu của ông N. Ông N nhận tiền lương và sau đó không bàn giao công việc theo yêu cầu của công ty, làm mất mát một số hồ sơ nhân sự của công ty. Công ty Đ nhận thấy ông N không phù hợp với công việc nên đã thỏa thuận để ông N thôi việc và ông N cũng đồng ý. Nay ông N khởi kiện thì Công ty Đ không đồng ý và chỉ đồng ý bồi thường thêm cho ông N số tiền tương đương với 02 (hai) tháng lương. Việc Công ty Đ ban hành Quyết định cho thôi việc số 007/2018/QĐTV-ĐP ngày 16/3/2018 về việc cho ông N thôi việc để chấm dứt hợp đồng lao động với ông N là đúng quy định pháp luật nên Công ty Đ không đồng ý nhận ông N trở lại làm việc, còn các yêu cầu khác phía Công ty Đ không đồng ý. Công ty Đ xác nhận chưa đóng bảo hiểm cho ông N từ khi ký hợp đồng lao động cho đến khi ông N nghỉ việc.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/LĐ-ST ngày 21/11/2019 Tòa án nhân dân Quận 2 đã tuyên xử:*

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 22; Điều 38; Điều 41; Điều 42; Điều 201 và Điều 202 Bộ luật lao động; Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N:

1.1. Hủy Quyết định cho thôi việc số 007/2018/QĐTV-ĐP ngày 16/3/2018 của Công ty Đ.

1.2. Buộc Công ty Đ trả cho ông N số tiền là Buộc Công ty Đ trả cho ông N số tiền là 351.817.650 đồng, bao gồm: Tiền lương trong những ngày ông N không làm việc tương ứng với số tiền là 291.600.000 đồng đồng và bồi thường cho ông N 02 tháng tiền lương tương ứng là 27.000.000 đồng, bồi thường 02 tháng tiền lương tương ứng 27.000.000 do Công ty Đ không nhận ông N trở lại làm việc, tiền đóng bảo hiểm thời gian từ 25/01/2018 đến 31/7/2018 số tiền 6.217.650 đồng. Thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông N về việc buộc Công ty Đ trả số tiền 83.556.796 đồng bao gồm: tiền lương của 21 ngày nghỉ phép năm số tiền 10.903.846 đồng, tiền Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế 18.652.950 đồng, 02 tháng

tiền lương do Công ty Đ đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật số tiền 27.000.000 đồng, 02 tháng tiền lương do Công ty Đ không nhận ông N trở lại làm việc số tiền 27.000.000 đồng.

3. Về án phí: Công ty Đ phải chịu là 10.554.529 đồng. Ông N không phải chịu án phí.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án: Công ty Đ bồi thường cho ông Nguyễn Duy N số tiền 220.000.000 đồng để chấm dứt tranh chấp lao động theo Hợp đồng lao động số 001/18/HĐLĐTN2N-ĐP ngày 25/01/2018 giữa hai bên; Về án phí sơ thẩm, một bên chịu 1/2. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Các bên đương sự đã thực hiện việc thanh toán với nhau về số tiền bồi thường ngay tại phiên tòa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*  
Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn nằm trong hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Do các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cũng như án phí lao động sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử ra bản án phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn nằm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, bị đơn đã thực hiện thanh toán cho nguyên đơn số tiền bồi thường là 220.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc đã thực hiện thỏa thuận của các đương sự.

[3] Án phí lao động sơ thẩm là 6.600.000 đồng các đương sự thống nhất mỗi bên chịu 1/2 là 3.300.000 đồng, Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận về án phí lao động sơ thẩm của các đương sự.

Về án phí lao động phúc thẩm: Công ty Đ phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của Công ty TNHH Xây dựng Công nghệ Đ ;

- Về nội dung: Sửa bản án sơ thẩm số 07/2019/LĐ-ST ngày 21/11/2019 Tòa án nhân dân Quận 2, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 22, 38, 41, 42, 201, 202 Bộ luật Lao động; Khoản 8 Điều 26, khoản 5 Điều 29 Nghị định 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Công ty Đ bồi thường cho ông N số tiền 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng) do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật;

- Chấm dứt Hợp đồng lao động số 001/18/HĐLĐTN2N-ĐP ngày 25/01/2018 do hết hạn hợp đồng;

- Ghi nhận việc Công ty Đ đã thực hiện việc thanh toán số tiền bồi thường trên cho ông N tại phiên tòa.

2. Án phí lao động sơ thẩm 6.600.000 đồng (sáu triệu, sáu trăm ngàn đồng), Công ty Đ và ông N mỗi đương sự phải chịu 3.300.000 đồng (ba triệu, ba trăm ngàn đồng).

3. Về án phí lao động phúc thẩm: Công ty Đ phải chịu án phí lao động phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AA/2018/0027099 ngày 11/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 2;
- THA DS Quận 2;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Tài**